Name: ……

Class: 3 ….

DUNG MÔN TIẾNG ANH - TUẦN 11

(Từ 24/10 đến 28/10/ 2022)

TT	Nội dung	Ghi chú
1	**Reading 1: A relaxing vacation** 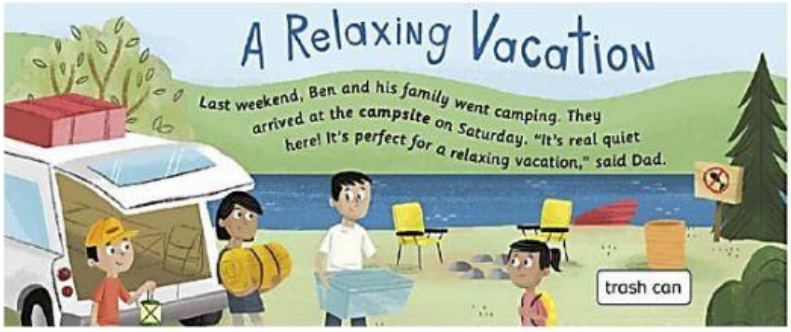 	- Nghe lại truyện Sách Student book (trang 40) - Gạch chân các động từ Quá khứ có quy tắc (-ed) ở trong truyện (*cooked, stopped…*)
2	**Grammar 1: Past simple tense (Regular verbs)** 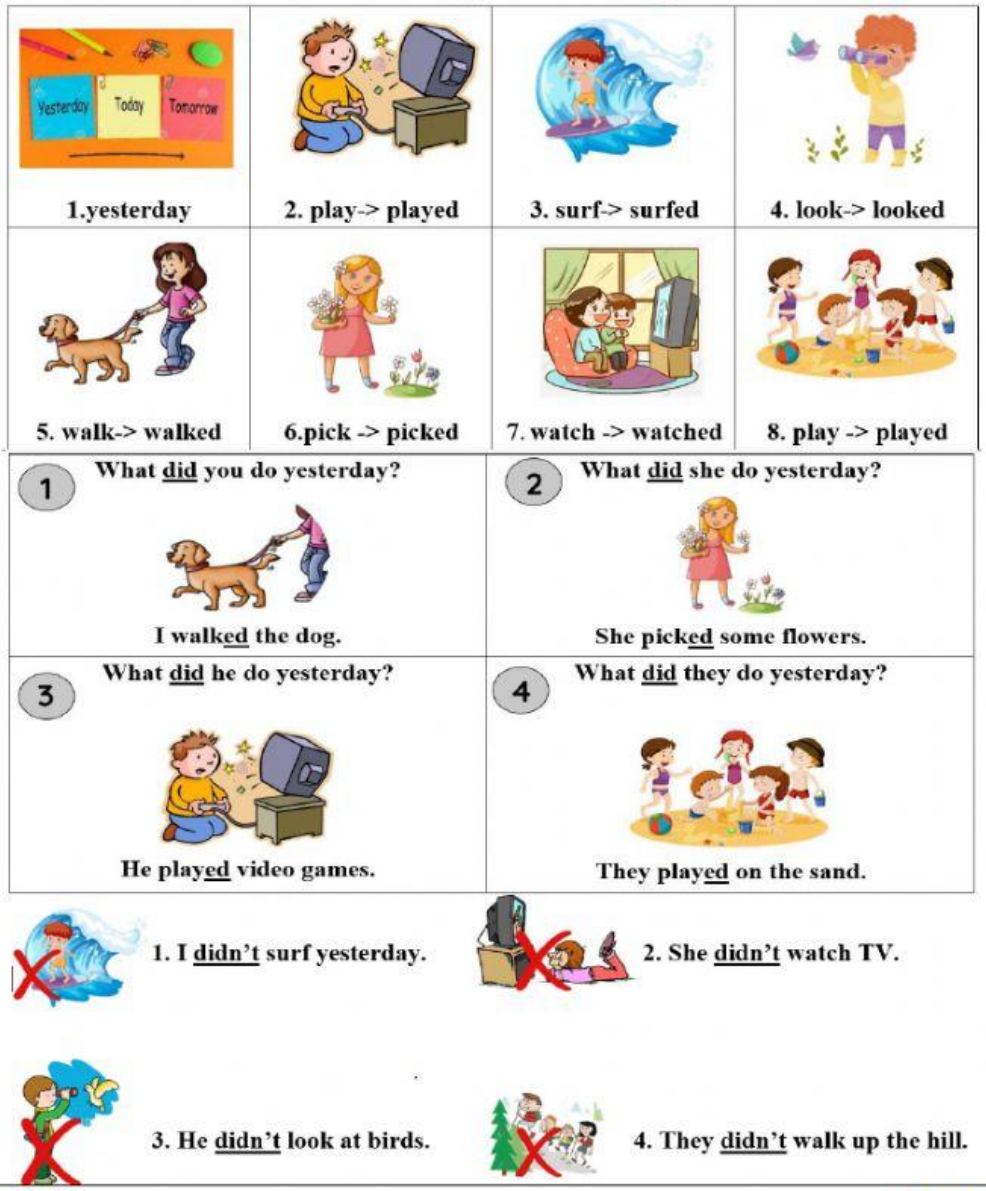 	- Nghe, chỉ tay và nhắc lại (ít nhất 3 lần)

LIVEWORKSHEETS

3

Grammar 1: Past simple tense (Irregular verbs)

1. go - went	2. run - ran	3. see - saw	4. swim - swam	5. drive - drove
6. eat - ate	7. drink - drank	8. sleep - slept	9. make - made	10. sing - sang
11. ride - rode	12. give - gave	13. take - took	14. get - got	15. do - did
16. is/am - was	17. are - were	18. meet - met	19. put – put	20. read - read

1 What did you do at the campsite? I made a fire at the campsite.	2 What did you do at the campsite? We sang a song.
3 What did you do at the campsite? I swam in the river.	4 What did you do at the campsite? I slept in the tent.

1. I didn't go fishing.

2. He didn't sleep in the sleeping bag.

3. She didn't see bear prints

4. They didn't drive the cars.

- Nghe, chỉ tay và nhắc lại (ít nhất 3 lần)

- Tập viết từ (theo hướng dẫn của GVTA)

LIVEWORKSHEETS

4	**Speaking 1** 	-Luyện nói với bạn về kì nghỉ vừa qua của mình.

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS